TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **84**/2021/HS-ST
Ngày: 18 – 11 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hoàng Nghiệp;

Ông Phan Phước Tân.

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Triết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 77/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 336/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Thị Phượng H (Thy), sinh năm: 1994 tại An Phú, An Giang; ĐKHKTT: Ấp P, xã PH, huyện An Phú, An Giang; chỗ ở hiện nay: Ấp Q, xã QT, huyện An Phú, An Giang; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo (Thiên Chúa); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; cha Trần Thanh H1, sinh năm 1971 và mẹ Phạm Thị L, sinh năm 1968. Chị em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ hai; chồng tên Phạm Văn L1, sinh năm 1992; có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh ngày 23/8/2021.

Nhân thân: Lúc nhỏ sống chung với gia đình, không đi học ở nhà phụ giúp gia đình. Sống bằng việc làm thuê cho đến ngày phạm pháp.

Tiền án, tiền sự: Chưa;

Bị cáo tại ngoại;

Bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Phước Tài - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, thuộc Sở Tư pháp tỉnh An Giang.

- *Bị hại:* Ông Hồ Minh C, sinh năm 1995; cư trú: Ấp Đ, xã Q, huyện An

Phú, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Phạm Văn L1, sinh năm 1992;

2. Ông Lê Văn T, sinh năm 1969;

3. Bà Lê Thị T1, sinh năm 1973.

Tại phiên tòa, bị cáo và người bào chữa có mặt; bị hại và những người làm chứng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 29/7/2021, Trần Thị Phượng H đi bộ đến Trung tâm Y tế huyện An Phú (thuộc ấp An Hưng, thị trấn An Phú, huyện An Phú) để khám thai sản theo định kỳ. Sau khi thực hiện việc khai báo y tế theo quy định thì H đi vào Khoa Sản tại Trung tâm nhưng không thấy bác sỹ trực.

H đi tìm đến cuối hành lang Khoa Sản thì phát hiện phòng bên phải cuối Khoa không khóa cửa, bên trong phòng anh Hồ Minh C (Bác sỹ Khoa Sản) đang nằm ngủ trên giường và đặt cạnh đầu nằm 02 điện thoại di động (nhãn hiệu POCO X3 Pro màu xanh và Nokia 6.1, màu xanh). H nảy sinh ý định chiếm đoạt. Sau khi quan sát, thấy không ai chú ý, H liền vào phòng lấy 02 điện thoại bỏ vào túi áo khoác rồi đi ra khỏi phòng.

Ngay khi ra khỏi phòng, H gặp các chị Lê Thị T và Hồ Thị T2 hỏi thăm tìm bác sỹ trực. H trả lời không biết, rồi đi bộ về nhà bà Phạm Thị L (mẹ ruột H, ngụ ấp An Hưng, thị trấn An Phú, huyện An Phú) cất giấu điện thoại di động hiệu Nokia vừa chiếm đoạt được vào tủ quần áo trong buồng tại nhà bà L. Sau đó H nhờ người thân điều khiển xe môtô chở về nhà tại ấp Quốc Hưng, xã Quốc Thái, huyện An Phú. Về đến nhà, H cất giấu điện thoại di động hiệu POCO X3 Pro lên mái nhà. Riêng anh C khi thức giấc và phát hiện điện thoại bị mất, nên đến Công an trình báo.

Công an tiến hành mời H về trụ sở làm việc. H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và tự nguyện giao nộp lại 02 điện thoại đã chiếm đoạt.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 43/KL-HĐĐG.TTHS ngày 10/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Phú, tỉnh An Giang, xác định:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu POCO X3 Pro, màu xanh, số IMEI 1 và 2: 864460050327262, 864460050327270, đã qua sử dụng: giá trị còn lại là 5.355.000 đồng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 6.1, màu xanh, số IMEI 1 và 2: 358549081764569, 358549081844569, đã qua sử dụng: giá trị còn lại là 800.000 đồng.

Tổng tài sản định giá là: 6.155.000 (sáu triệu một trăm năm mươi lăm nghìn) đồng.

Ngày 19/8/2021, Trần Thị Phượng H bị khởi tố để điều tra.

Cáo trạng số 59/CT-VKSAP-HS ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố bị cáo Trần Thị Phượng H về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Mục đích bị cáo lấy trộm tài sản để bán kiếm tiền phục vụ cuộc sống, lo chi phí trong thời gian mang thai. Bị cáo chưa bán được tài sản lấy trộm được thì bị phát hiện. Bị cáo đã giao trả lại 02 điện thoại chiếm đoạt.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người vắng mặt:

- Bị hại ông Hồ Minh C khai phù hợp nội dung vụ án. Ông C đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất trộm, yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Những người làm chứng Lê Văn T, Lê Thị T1 khai phù hợp nội dung vụ án.

Bị cáo, người bào chữa, Kiểm sát viên không có ý kiến về lời khai của bị hại và những người làm chứng.

Trong lời luận tội, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ, đề nghị tuyên bố bị cáo Trần Thị Phượng H phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*; đề nghị căn cứ cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Do tài sản bị cáo trộm cắp đã trả lại cho người bị hại trong giai đoạn điều tra, nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Bị cáo Trần Thị Phượng H không có ý kiến tranh luận.

Quan điểm của người bào chữa: Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về nội dung: Thống nhất tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Trần Thị Phượng H. Thống nhất các tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử đặc biệt quan tâm hoàn cảnh của bị cáo, đang nuôi con nhỏ; rất thật thà trong khai báo và thể hiện được sự ăn năn, hối hận. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được nhận hình phạt theo mức thấp nhất mà Kiểm sát viên đề nghị.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, hứa không tái phạm và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập. Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là đầy đủ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

[1.2] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, bị hại, người làm chứng vắng mặt không rõ lý do. Tuy nhiên, những người tham gia tố tụng này đã có lời khai thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án, nên việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét thấy lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng; phù hợp Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 30/7/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Phú. Căn cứ Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 43/KL-HĐĐG.TTHS ngày 10/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Phú, tỉnh An Giang đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 29/7/2021, Trần Thị Phượng H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 02 điện thoại di động có tổng giá trị 6.155.000 (sáu triệu một trăm năm mươi lăm nghìn) đồng của ông Hồ Minh C. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, vì mục đích vụ lợi. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cầu thành tội *"Trộm cắp tài sản"* được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Xác định Cáo trạng số 59/CT-VKSAP-HS ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố bị cáo Trần Thị Phượng H là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân và làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ, mọi

hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác một cách trái pháp luật đều bị nghiêm trị. Do đó cần thiết phải có mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo để phát huy tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[2.3] Về hình phạt: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện giao trả tài sản chiếm đoạt; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi đang mang thai; bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo (hộ nghèo), hiện đang nuôi con nhỏ, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Từ những phân tích trên, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự; đang trong thời kỳ nuôi con nhỏ (mới 03 tháng tuổi), có nơi cư trú rõ ràng, xét không cần thiết áp dụng hình phạt cách ly bị cáo H ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét thấy đề nghị về mức hình phạt của Vị đại diện Viện kiểm sát và Người bào chữa cho bị cáo là có căn cứ, phù hợp tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và hoàn cảnh của bị cáo, nên được chấp nhận.

[3] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, nuôi con nhỏ, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Vật chứng đã được xử lý tại giai đoạn điều tra, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Hồ Minh C đã nhận lại 02 điện thoại bị mất trộm ngày 04/8/2021 và không có yêu cầu nào khác, nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo, nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị Phượng H phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

2. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trần Thị Phượng H 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 18/11/2021).

Giao bị cáo Trần Thị Phượng H cho Ủy ban nhân dân xã Quốc Thái huyện An Phú, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Án tuyên công khai có mặt bị cáo Trần Thị Phượng H, vắng mặt bị hại Hồ Minh C. Thời hạn kháng cáo của bị cáo Trần Thị Phượng H, là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/11/2021); thời hạn kháng cáo của ông C là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- NTG Công an huyện An Phú (1);
- THA DS huyện An Phú (1);
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh (1);
- Bộ phận THAHS Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo (1);
- bị hại (1);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Sáu